TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN LÃNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29-7-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Huyền Trang;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Bình,

2. Ông Phạm Văn Tiến.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Minh Hường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số 29/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn B, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Bùi Văn C, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn B, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn (bà Nguyễn Thị D) trình bày:

Bà D và ông Bùi Văn C tự nguyện kết hôn với nhau tại Uỷ ban nhân dân xã Nam Hưng, huyện Tiên Lãng vào ngày 04 tháng 7 năm 1995. Ông bà chung sống hòa thuận với nhau được 03 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, một phần do ông C ham chơi, nợ nần nhiều, bà D và

gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng ông C không thay đổi. Từ những nguyên nhân này dẫn tới ông bà thường hay cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình và bạn bè hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, ông bà đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay và không còn quan tâm tới nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, bà D yêu cầu được ly hôn ông C. Ông bà có 05 con chung là Bùi Thị T, sinh ngày 07 tháng 6 năm 1996; Bùi Thị T1, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2000; Bùi Thị P, sinh ngày 10 tháng 8 năm 2005; Bùi Thị A, sinh ngày 14 tháng 01 năm 2007 và Bùi Văn T2, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2012. Khi ly hôn, bà D đề nghị Toà án giao con chung Bùi Thị Anh và Bùi Văn T2 cho bà trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng cho con, bà D tự thoả thuận với ông C, không yêu cầu Toà án giải quyết. Các con Bùi Thị T, Bùi Thị T1 và Bùi Thị P đều đã thành niên, không phải nuôi dưỡng. Bà D không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, yêu cầu ông C giao nộp bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án và triệu tập ông C đến làm việc nhưng ông C không thực hiện.

Tài liệu xác minh tại gia đình và địa P thể hiện: Ông C và bà D có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Nam Hưng theo quy định pháp luật. Ông bà sống hạnh phúc được mấy năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn, Nguyên nhân là do ông C ham chơi, không quan tâm tới gia đình, vợ con nên vợ chồng thường xảy ra xô sát, bất hoà, hôn nhân không hạnh phúc. Khoảng đầu năm 2022 tình trạng vợ chồng ông bà trở lên trầm trọng, ông bà sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Ông bà có 05 con chung như bà D khai; kể từ khi ông bà sống ly thân, con chung do bà D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc tốt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Các đương sự không ai có văn bản thể hiện việc thay đổi ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc thu thập được chứng cứ, tài liệu, mở phiên họp, hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; phiên toà được mở đúng thời hạn, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không giao nộp bản tự khai, vắng mặt tại phiên hòa giải, phiên tòa là thực hiện không đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản

1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho bà Nguyễn Thị D được ly hôn ông Bùi Văn C; giao con Bùi Thị A, sinh ngày 14 tháng 01 năm 2007 và Bùi Văn T2, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2012 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng cho con bà D không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét, giải quyết. Con Bùi Thị T, sinh ngày 07 tháng 6 năm 1996; Bùi Thị T1, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2000; Bùi Thị P, sinh ngày 10 tháng 8 năm 2005 đều đã thành niên, không phải nuôi dưỡng. Bà D không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên không đề nghị giải quyết. Bà D phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D thì quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Ông Bùi Văn C là bị đơn, hiện đang cư trú tại: Thôn B, xã N, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn (ông C) đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không chấp hành triệu tập của Tòa án. Tòa án đã thực hiện cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ văn bản tố tụng cho ông C; tạo điều kiện cho ông C thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Việc ông C không có mặt theo giấy triệu tập, không giao nộp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án là tự mình từ bỏ các quyền và không chấp hành các nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp và do Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Nguyên đơn (chị bà D) vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn (ông C) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bà D, ông C.

- Về nội dung:

[4] Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị D và ông Bùi Văn C được xác lập từ ngày 04 tháng 7 năm 1995 là hôn nhân hợp pháp. Do mâu thuẫn vợ chồng nên bà

D yêu cầu được ly hôn ông C. Mặc dù, quá trình giải quyết vụ án ông C không có quan điểm về yêu cầu xin ly hôn của bà D. Tuy nhiên, lời khai của bà D về mâu thuẫn vợ chồng là hoàn toàn phù hợp với kết quả xác minh tại gia đình và địa P và đều thể hiện: Quá trình chung sống ông bà chỉ hoà thuận, hạnh phúc được 03 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, một phần do ông C ham chơi, không quan tâm tới gia đình, vợ con nên vợ chồng thường xảy ra cãi nhau, hôn nhân không hạnh phúc. Ông bà sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, không quan tâm đến nhau. Như vậy, có đủ căn cứ xác định, tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; yêu cầu ly hôn của bà D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận, xử cho bà D được ly hôn ông C.

[4] Về con chung: Ông bà có 05 con chung là Bùi Thị T, sinh ngày 07 tháng 6 năm 1996; Bùi Thị T1, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2000; Bùi Thị P, sinh ngày 10 tháng 8 năm 2005; Bùi Thị A, sinh ngày 14 tháng 01 năm 2007 và Bùi Văn T2, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2012. Các con: T, Thuỷ, P đã thành niên, không phải nuôi dưỡng; các con: A, T2 sống với bà D, do bà D chăm sóc, nuôi dưỡng tốt kể từ khi ông bà sống ly thân đến nay. Con Anh T2 hiện đều đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng ở với mẹ. Xét thấy, mặc dù bà D, ông C đều làm nghề lao động tự do, nhưng bà D có thu nhập và nơi ở ổn định, ông C phải đi thuê nhà, thu nhập không ổn định; quá trình giải quyết vụ án ông C không có quan điểm về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Do đó để ổn định tâm sinh lý và điều kiện về mọi mặt của các con, phù hợp với thực tế và nguyện vọng của con, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của bà D, giao con Bùi Thị A và Bùi Văn T2 cho bà D tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng cho con, do đương sự không yêu cầu giải quyết, tôn trọng quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, xét thấy quyền lợi của con vẫn được đảm bảo nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; khoản 1 Điều 96; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D được ly hôn ông Bùi Văn C.

2. Về con chung: Giao con chung Bùi Thị A, sinh ngày 14 tháng 01 năm 2007 và Bùi Văn T2, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2012 cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không giải quyết vấn đề cấp dưỡng cho con do các đương sự xin tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Con Bùi Thị T, sinh ngày 07 tháng 6 năm 1996; Bùi Thị T1, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2000; Bùi Thị P, sinh ngày 10 tháng 8 năm 2005, đều đã trưởng thành, không phải nuôi dưỡng.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Bà D đã nộp đủ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0008993 ngày 12 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Đương sự (để thi hành);
- Chi cục THADS huyệnTiên Lãng;
- UBND xã Nam Hưng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng (ĐKKH năm 1995);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Huyền Trang